

## TỪ CUỘC VIỄN CHINH XÂM LƯỢC ĐẾN THÀNH LẬP NHƯỢNG ĐỊA ĐÀ NẴNG CỦA THỰC DÂN PHÁP (1858 - 1888)

Dương Thanh Mừng

Học viện Chính trị khu vực III, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Dương Thanh Mừng - Email: [thanhmung88@gmail.com](mailto:thanhmung88@gmail.com)

Ngày nhận bài: 18-9-2021; Ngày nhận bài sửa: 09-12-2021; Ngày duyệt đăng: 21-12-2021

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc tiếp cận các nguồn tư liệu là các thư tín, tài liệu lưu trữ, các công trình chuyên khảo kể từ thời điểm liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng xâm lược Việt Nam đến khi ký kết sắc lệnh ngày 1/10/1888. Kết quả chỉ ra rằng, từ năm 1858, với các âm mưu thôn tính và thiết lập thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp đã liên minh với Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng. Sau khi đã khuất phục được triều đình nhà Nguyễn, thực dân Pháp nhanh chóng tổ chức quy hoạch và thiết lập nhượng địa tại các khu vực Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Đà Nẵng từ một đơn vị hành chính cấp tỉnh dưới triều Nguyễn đã trở thành một khu vực nhượng địa với hệ thống pháp luật, hành chính và quy chế quản lý riêng của chính quyền thực dân Pháp. Với các nội dung đã nêu, bài viết sẽ góp phần làm rõ hơn những khó khăn, thách thức của thực dân Pháp trong buổi đầu xâm lược Việt Nam; đồng thời, chỉ ra những toan tính của thực dân Pháp trong việc ép buộc triều đình nhà Nguyễn ký kết các hiệp ước để từ đó biến Đà Nẵng trở thành vùng đất nhượng địa.

**Từ khóa:** nhượng địa; xâm lược; Đà Nẵng; thực dân Pháp; Việt Nam.

### 1. Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng

Tối ngày 31/8/1858, 14 thuyền của Pháp và Tây Ban Nha dưới sự chỉ huy của Rigault de Genouilly dàn quân trước cửa biển Đà Nẵng. Mục tiêu được xác định là giải quyết các mối bất hòa giữa Pháp và An Nam bằng một cuộc tấn công quân sự và thành lập ở đây một cơ sở để hoạt động về sau ('La Cochinchine Francaise', 1862). Hailly qua bài viết về cuộc chinh phục của Pháp ở Nam Kỳ còn cung cấp thông thêm thông tin: Đà Nẵng sẽ trở thành một cơ sở quân sự và hải quân phục vụ cho nước Pháp trong trường hợp xảy ra chiến tranh hàng hải ở vùng biển Hoa Nam (Hailly, 1866).

Theo miêu tả của Prosper Cultru, quân đội triều đình nhà Nguyễn đã có những kế hoạch phòng thủ kỹ lưỡng. Một vị quan của triều đình (Nguyễn Tri Phương - TG) nhận thấy được nguy cơ xâm lược nên đã khuyến nghị triều đình là phải tổ chức một cuộc kháng chiến, đồng thời huy động nhân lực bố phòng để có thể chống lại các đợt tấn công của Pháp một cách có hiệu quả. Chiến thuật được vị quan này đưa ra là phải cô lập các lực lượng quân đội của Pháp và Tây Ban Nha đồng thời, ngăn chặn không cho xâm nhập vào vùng nội địa. Tại Đà Nẵng, triều đình đã tổ chức phòng thủ theo phong cách châu Âu. Nhiều chốt chặn được dựng lên, nhiều khẩu pháo hướng về khu vực cửa biển; các pháo đài đã chiến lấp đặt trên các bánh xe lớn được trang bị, rất phù hợp với địa hình; các loại súng trường do Bỉ hoặc Pháp sản xuất cùng với thuốc súng của Anh đã được triều đình mua từ các thương nhân Hồng Kông và Singapore để trang bị cho Đà Nẵng. Bên cạnh đó, triều đình còn khẩn trương xây dựng hệ thống hàng rào bao quanh ở nhiều khu vực (Cultru, 1910).

Tối ngày 31/8/1858, quân đội Pháp - Tây Ban Nha và quân đội triều đình nhà Nguyễn đối đầu nhau tại cửa

**Cite this article as:** Duong, T. M. (2021). From the invasion expedition to the establishment of the Da Nang concession by the French colonialists (1858 - 1888). *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 11(2), 67-74. <https://doi.org/10.47393/jshe.v11i2.1043>

biển Đà Nẵng. Sau cuộc “đàm phán” chóng vánh diễn ra vào rạng sáng ngày 1/9/1858 nhưng không thành công, cuộc chiến đã chính thức bắt đầu. Với sự vượt trội của các pháo hạm và vũ khí, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nhanh chóng chiếm được một khu vực phía Tây của bán đảo Sơn Trà. Liên sau đó, Rigault de Genouilly chỉ đạo cho một số đơn vị quân đội mang theo các trang thiết bị và các nhu yếu phẩm từ các tàu chiến lên bờ và biến nơi đây thành một khu vực phòng thủ/đứng chân (Benoist, 1869, 34). Phạm vi chiếm đóng của Pháp và Tây Ban Nha ngày càng được mở rộng theo thời gian của cuộc chiến tranh xâm lược: “*Chúng tôi đã dựng lên các cửa hàng, các trại, các công viên và các dàn pháo; hạm đội của chúng tôi đã bao phủ khắp bến cảng*” (Hailly, 1866). Cùng với đó, một cầu cảng nhỏ nối với đảo Cô (còn gọi là đảo Đài quan sát hay là đảo l’Observatoire) đã được dựng lên. Khu vực phía tây của bán đảo Sơn Trà dần chuyển thành một căn cứ quân sự. Để có đủ lương thực cho cuộc chiến tranh xâm lược, quân đội Pháp và Tây Ban Nha đã tìm cách móc nối với các thương nhân người Hoa và tất nhiên, với các lợi ích có được, đội ngũ thương nhân này đã sẵn sàng hợp tác. Hình ảnh trên Tạp chí Le Monde Illustré cho thấy rằng, một khu chợ đã được tổ chức ngay ở Sơn Trà, “*vào mỗi buổi sáng ở giữa các cồn cát bao quanh pháo đài phía đông*” (Le Monde Illustré, 1860, 213).

Sau khi đã bình ổn được vị trí chiếm đóng, tháng 10/1858, Rigault de Genouilly cho quân tấn công khu vực Cẩm Lệ. Các đơn vị quân đội của triều đình nhà Nguyễn dù đã có sự hỗ trợ của các khẩu đội pháo, nhưng họ không thể chống chọi được lâu (Colonel, 1896). Dù chiếm được thế thượng phong, nhưng Rigault de Genouilly và quân đội của ông ta đang phải đối diện với những thách thức mới. Mùa đông đang đến gần, nhân lực mỏng không đủ sức để bao phủ trên một phạm vi rộng lớn. Hơn nữa, do không quen với điều kiện thời tiết nên nhiều binh lính Pháp và Tây Ban Nha đã bị chết do căn bệnh sốt rét. Tháng 12/1858, quân đội triều đình với sự hỗ trợ của voi chiến đã tổ chức phản công ở cửa sông Hàn. Đến tháng 1/1859, “*toàn bộ tả ngạn sông Hàn thuộc quyền của họ*” (Colonel, 1896).

Trong khi đang cố gắng bình định Đà Nẵng, thực dân Pháp cũng nhanh chóng nhận ra rằng, một cuộc hành quân về phía Huế là không thể thực hiện được. Đó là những gì mà tổng chỉ huy Rigault de Genouilly đã thú nhận: Không cần phải nghĩ đến việc tấn công Huế bằng

đường bộ từ Đà Nẵng. Chúng tôi hoàn toàn thiếu phương tiện để di chuyển, đường xá thật khủng khiếp. Trong điều kiện khí hậu này, quân đội không thể tiến hành các cuộc hành quân lớn và tấn công vào một nơi kiên cố, xây dựng theo phong cách châu Âu; chúng tôi cần mang theo dàn pháo nhưng chỉ có đường biển mới vận chuyển được... Hiện tại, mùa mưa bão sắp đến và do vậy, không thể nghĩ đến bất cứ cuộc phiêu lưu nào bằng đường biển, dù nó ở quy mô ra sao<sup>1</sup>. Charles Fourniau cũng đưa ra nhận định: Đường như không có con đường nào có thể dẫn quân đội Pháp - Tây Ban Nha đến với cung điện hoàng gia. Ra đi với sự lạc quan cao độ để chinh phục một điểm tựa vững chắc, rốt cuộc, người Pháp lại đối mặt với một nền văn minh có hàng nghìn năm văn hiến và một chính thể đã được cấu thành vững chắc. Cuộc kháng chiến được hướng dẫn và chỉ đạo bởi những Nhà nho. Hơn nữa, nền văn minh này còn chứa đựng một bản sắc dân tộc mạnh mẽ, với lòng quyết tâm của mình, họ từ chối bất kỳ sự thống trị nào từ bên ngoài. Do đánh giá không đúng về thực lực của Việt Nam, Đà Nẵng trở thành ngõ cụt và là yếu điểm của quân đội viễn chinh. Họ phải trả giá bằng chính mạng sống của mình (Fourniau, 2002).

Thất bại tại Đà Nẵng, liên quân Pháp - Tây Ban Nha chuyển hướng vào Sài Gòn. Chỉ còn ba đơn vị thủy quân được giao nhiệm vụ ở lại trấn giữ căn cứ ở Sơn Trà. Tận dụng lúc này, quân đội triều đình nhà Nguyễn tổ chức phản công. Đến cuối năm 1859, ba đơn vị thủy quân này được lệnh từ bỏ vị trí Đà Nẵng. Tuy nhiên, chuẩn Đô đốc Page không cam chịu với kết quả này và quyết định tổ chức thêm một cuộc tấn công vào phía bắc của bán đảo Sơn Trà vào ngày 18/11/1859. Cuộc tấn công này cũng không thể làm xoay chuyển được tình thế và do đó, đến ngày 30/3/1860, các đơn vị quân đội của Pháp - Tây Ban Nha buộc phải sơ tán khỏi Đà Nẵng. Trước khi rời đi, họ không quên phá bỏ những gì đã dựng lên trước đó: Đồn bốt, ụ pháo, lô cốt, các gian hàng, nhà thương, nhà nguyện, cầu cống, hồ chứa nước ngọt, cầu đường, bến đỗ, doanh trại cho 4.000 đến 5.000 người...

Sau khi kéo quân vào Nam Kỳ, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tổ chức tấn công và chiếm được thành Gia Định (2/1859). Để giải vây cho lực lượng viễn chinh đang còn ở Đà Nẵng và duy trì những thành quả mới đạt được Nam

<sup>1</sup>Xem thêm văn thư trao đổi của Rigault de Genouilly qua các tài liệu: (Service Historique de la Défense, 1858a, 1858b, 1858c, 1858d).

Kỳ, Rigault de Genouilly hướng đến việc đàm phán với triều đình nhà Nguyễn. Đặc phái viên Lafont được giao nhiệm vụ thương thuyết ba vấn đề với triều đình Huế (6/1959) là bổ nhiệm một viên đại sứ đặc mệnh toàn quyền, được tự do truyền đạo và tự do buôn bán (X. T. Nguyen, 2018, 70-71). Cuộc đàm phán kéo dài một tháng thì thất bại, Rigault de Genouilly bị triệu hồi về nước và Francois Page được cử sang thay thế (12/1859). Sau khi cũng cố được cơ sở ở vùng đất Gia Định, Francois Page tuyên bố mở cửa cảng Sài Gòn (1860) cho tàu buôn của các quốc gia ra vào buôn bán. Động thái này cho thấy, chủ đích chính của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là các lợi ích về kinh tế và trong đó, thương mại là một lĩnh vực trọng tâm. Tấn công Đà Nẵng được xem là một bước khởi động cơ yếu cho một toan tính dài hạn mà chính phủ Pháp dự kiến sẽ thực hiện ở Đông Dương. Hãy cùng điếm qua các hiệp ước mà thực dân Pháp ký kết với triều đình Huế trước khi xác lập được nền bảo hộ chính thức để thấy rõ hơn vấn đề này.

Hiệp ước Nhâm Tuất kí ngày 5/6/1862, được xem là Hiệp ước có giá trị pháp lý đầu tiên giữa chính phủ Pháp và Việt Nam. Thông qua bản Hiệp ước này, chính quyền Pháp đã có những lợi thế chính thức về mặt thương mại tại khu vực Đông Dương. Điều 5 của bản Hiệp ước quy định, công dân các nước Pháp và Tây Ban Nha được tự do buôn bán tại ba hải cảng là Tourane (Đà Nẵng), Ba Lạt (cửa Sông Hồng) và Quảng Yên (Quảng Ninh). Công dân của các quốc gia khác nếu buôn bán với Việt Nam sẽ không được thừa hưởng đầy đủ các quyền lợi như công dân Pháp và Tây Ban Nha. Thương nhân của các nước nếu nhận được một sự hỗ trợ nào đó từ chính phủ An Nam thì sự hỗ trợ đó cũng không thể lớn hơn những gì đã dành cho nước Pháp và Tây Ban Nha (D. O. Nguyen, 1995, 281-285). Ngay say khi Hiệp ước này được kí kết, một bản quy chế thương mại đã được ban hành tại cảng Sài Gòn. Các quốc gia có xu hướng hòa bình với Pháp đều được tự do ra vào cảng Sài Gòn để buôn bán. Các tàu của Pháp và Tây Ban Nha được miễn trừ thuế còn tất cả tàu thuyền của các quốc gia ra vào đều phải nộp thuế neo đậu (50 xu trên 1 tonneaux hàng).

Hiệp ước Giáp Tuất kí ngày 15/3/1874, được xem là một bước phát triển tiếp theo của Pháp trong việc thiết lập các đặc quyền về thương mại tại Việt Nam. Theo đó, Hiệp ước này cho phép Pháp mở thêm cảng Thị Nại (Bình Định), Ninh Hải (Hải Phòng) và Hà Nội để phục vụ cho

các hoạt động thương mại quốc tế (điều 11). Điều 3 của bản Hiệp ước cũng đặt ra định chế rằng: “*Vua An Nam phải thi hành chính sách đối ngoại của mình cho phù hợp với chính sách đối ngoại của nước Pháp; về mặt chính trị, không được thay đổi những mối quan hệ ngoại giao hiện nay với Pháp; không được tự ý ký hiệp ước thương mại với bất cứ một nước nào khác mà không báo cho chính phủ Pháp biết*” (Truong, 2011, 385-389). Cùng với Hiệp ước, một bản phụ lục thương mại liên quan đến các hoạt động mua bán giữa chính phủ Việt Nam với Pháp đã được ban hành với 29 điều khoản. Văn kiện cuối cùng này do Đô đốc Krantz đàm phán và được phê chuẩn vào ngày 31/8/1874. Bản thương ước hướng tới ba mục tiêu cơ bản: 1/ Tạo điều kiện thuận lợi cho nền thương mại Sài Gòn bằng một biểu thuế ưu đãi (những mặt hàng xuất xứ từ Nam Kỳ chỉ phải trả phân nửa thuế, tức là 2,5%, thay vì 5%); 2/ Khuyến khích các hoạt động buôn bán của thương nhân châu Âu và Hoa Kỳ, bằng một quy chế có lợi cho họ; 3/ Bảo đảm việc chi trả tiền bồi thường chiến tranh cho Tây Ban Nha bằng thu nhập thuế quan từ các hoạt động xuất nhập khẩu.

Hai bản Hiệp ước cuối cùng đánh dấu sự thành công của Pháp trong việc độc chiếm thị trường Việt Nam là Harmand (1883) và Patenôtre (1884). Đến đây, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Chính quyền Pháp giữ toàn quyền về ngoại giao cũng như thương mại của Việt Nam. Các hoạt động thương mại của Việt Nam giai đoạn này sẽ được thực hiện thông qua vai trò trung gian của Pháp. Vì lợi ích, thực dân Pháp có thể duy trì hoặc kết thúc, nới lại hoặc nghiêm cấm mọi hoạt động buôn bán của Việt Nam với nước ngoài. Mọi doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân làm ăn buôn bán ở Việt Nam đều phải tuân thủ luật pháp cùng các quy định đã được chính phủ Pháp ban hành; Việt Nam chỉ được phép trao đổi buôn bán với những bạn hàng thuộc các quốc gia hòa bình với Pháp quốc, đã được chính quốc thiết lập và duy trì quan hệ thương mại. Doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân làm trái quy định, vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý, trừng trị theo luật định (T. D. Nguyen, 2017, 16-30).

## 2. Quá trình thiết lập nhượng địa Đà Nẵng của thực dân Pháp

Như đã đề cập ở trên, việc triều đình nhà Nguyễn chấp nhận ký kết Hiệp ước Harmand (25/8/1883) và Patenôtre (6/6/1884) đã chính thức công nhận quyền bảo

hộ của Pháp đối với Việt Nam. Liên quan đến vấn đề nhượng địa và kinh tế Đà Nẵng, chúng tôi quan tâm đến hai điều khoản. Điều 4, mở các cảng biển Đà Nẵng, Quy Nhơn và Xuân Đài (Phú Yên) để buôn bán với các quốc gia. Các cảng khác có thể được mở thêm trong tương lai, sau khi đã có một thỏa thuận trước giữa hai bên. Chính phủ Pháp sẽ đặt ở đó những nhân viên dưới quyền của viên công sứ Pháp tại Huế. Điều 18, các cuộc hội nghị sau này sẽ phân định giới hạn của các cảng đã mở và những khu đất nhượng quyền cho nước Pháp trong những cảng này; các chế độ liên quan đến khai thác mỏ, tiền tệ, tỷ lệ phần trăm lợi tức dành cho triều đình nhà Nguyễn dựa trên tổng số thu nhập về thuế quan, thuế vụ (Schreiner, 1906, 465-468)...

Để thành lập nhượng địa Đà Nẵng, ngày 20/12/1884, Tổng trú xứ Bắc - Trung Kỳ là Victor Gabriel Lemaire đã cho thành lập một Ủy ban đặc biệt. Ủy ban này do Eugène Navelle làm Chủ tịch (nên còn được gọi là Ủy ban Navelle) cùng các thành viên là thuyền trưởng Arthur Hennique, chỉ huy trưởng Bruneau, bác sĩ Nollet và Larosière. Trong công văn, Tổng trú Lemaire yêu cầu các thành viên của Ủy ban Navelle phải đến tất cả các cảng Đà Nẵng, Quy Nhơn, Xuân Đài để thị sát (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885; Sunny, 2018, 261). Đồng thời, phải có báo cáo chi tiết cho từng cảng về các vấn đề như: Điều kiện giám sát của hải quan, mức độ an toàn của các cảng, các thông số liên quan đến thương mại và hàng hải như điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng, hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, cơ sở vật chất... Đặc biệt, các thành viên của Ủy ban phải thăm dò được thái độ của quan lại của địa phương đối với nhu cầu thành lập nhượng địa của Pháp trong tương lai (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885a). Sau ba tháng làm việc tích cực, vào ngày 22/3/1885, Ủy ban Navelle đã có báo cáo chính thức gửi Tổng trú Lemaire (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885c). Tháng 4/1885, Tổng trú Lemaire đã gửi một bản sao báo cáo của Ủy ban Navelle cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và nhấn mạnh: Ủy ban không hiểu rằng, ý định của Chính phủ Pháp khi yêu cầu mở cửa một số cảng nêu trên không chỉ để tập trung các luồng thương mại diễn ra ở Trung Kỳ mà nó còn liên quan đến vấn đề thuộc địa (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885b; Sunny, 2018).

Mặc dù đôi bên chưa hiểu ý nhau nhưng vai trò của Ủy ban Navelle đối với vấn đề quy hoạch nhượng địa Đà Nẵng là rất lớn. Văn bản báo cáo do Ủy ban Navelle xây

dựng đã trở thành cơ sở quan trọng để Richaud dùng trao đổi với triều đình Huế sau này. Do đó, chính quyền thuộc địa Pháp hẳn nhiên phải yêu cầu Ủy ban chuẩn bị khá chắc chắn các thông tin cần thiết để biện minh cho các toan tính của mình. Ủy ban Navelle ngoài việc đo đạc, vẽ bản đồ và cung cấp các thông tin cần thiết cho chính quyền thuộc địa còn tiến hành một nhiệm vụ khác là phân định ranh giới nhượng địa Đà Nẵng. Theo yêu cầu của chính quyền thuộc địa Pháp, việc phân định ranh giới nhượng địa Đà Nẵng phải hướng tới hai mục tiêu cơ bản: 1/Phải biến Đà Nẵng trở thành một căn cứ quân sự để phòng trường hợp bị tấn công và 2/là một trạm giao thương ở vùng Viễn Đông. Như vậy, rõ ràng ngay từ đầu, việc đánh chiếm Đà Nẵng không chỉ vì vấn đề thương mại mà người Pháp còn theo đuổi những mục tiêu lớn hơn trên toàn lãnh thổ Việt Nam và cả vùng Viễn Đông. Trong một văn bản báo cáo vào tháng 6/1888, Toàn quyền Richaud đã tỏ rõ ý định này: Bất kỳ chế độ bảo hộ nào không dẫn đến sự chinh phục tuyệt đối là một điều giả dối... Không chỉ giới hạn ở vai trò bảo hộ, chúng ta phải tổ chức một nền hành chính và kiểm soát hiệu quả Bắc Kỳ, đồng thời, phải tập trung mọi nỗ lực của mình để thiết lập một trung tâm quyền lực tối cao ngay tại kinh đô Huế (Fourniau, 2002, 845).

Trước khi đưa ra các thông số chính thức đối với phần diện tích của nhượng địa Đà Nẵng, báo cáo của Ủy ban Navelle cũng đã khơi gợi lại những "sai lầm" của chính quyền thuộc địa Pháp đối với Hiệp ước Giáp Tuất đã ký từ ngày 15/3/1874. Ở Hiệp ước này, chính quyền thuộc địa Pháp đã mở được các cảng biển là Hải Phòng, Hà Nội và Quy Nhơn để buôn bán, tuy nhiên lại không đưa ra những con số thật sự rõ ràng đối với phần đất được nhượng quyền để thành lập nhượng địa. Kết quả là, nhượng địa Quy Nhơn chỉ rộng 2,5 héc ta với một số tòa nhà được dùng làm văn phòng cho các cơ quan chức năng và các công ty. Trong khi người Pháp có nhu cầu mở rộng thêm diện tích thì triều đình nhà Nguyễn lại không chấp nhận bán các khu đất nằm gần nhượng địa. Và vì vậy, một số quan chức của Pháp đã than thở, với phần diện tích đất nhỏ này không đủ để mời gọi các công dân châu Âu đến định cư. Bên ngoài nhượng địa, các khẩu đội pháo của triều đình bao quanh và điều này sẽ làm cho khả năng chống trả của quân đội Pháp trở nên khó khăn khi xảy ra xung đột. Các làng mạc lân cận nhượng địa đều nằm dưới sự quản lý của quan lại sở tại nên rất khó khăn cho việc tiếp vận lương thực. Đó là những bài học cần phải được

ghi lại để chúng ta có thể sở hữu một phần lãnh thổ rộng lớn hơn để thực hiện một cách tự do các quyền bảo hộ (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885c). Theo Philippe Papin, phần diện tích đất nhượng quyền ở cảng Hà Nội ban đầu chỉ rộng 2,5 héc ta sau đó tăng lên 18 héc ta. Tuy nhiên con số này dường như vẫn chưa đủ để đáp ứng các dự định của chính quyền thuộc địa Pháp. Đến tháng 10/1888, diện tích nhượng địa Hà Nội đã mở rộng lên 800 héc ta và đến cuối thế kỷ XIX thì lên tới 5.200 héc ta (Papin, 2013, 43-54). Tại Hải Phòng, tình hình có nhiều phức tạp hơn, khu đất nhượng quyền nằm ngay trên vùng đầm lầy. Sau nhiều lần thương lượng, chính quyền thuộc địa Pháp mới chiếm dụng được là 8 héc ta để làm nhượng địa (Raffi, 1994, 89-92 & 226).

Rút kinh nghiệm từ những "sai lầm" này, chính quyền thuộc địa Pháp đã có những tính toán kỹ lưỡng hơn đối với cảng Xuân Đài và nhượng địa Đà Nẵng. Phần diện tích đất mà chính phủ Pháp yêu cầu triều đình phải nhượng quyền ở cảng Xuân Đài là 8 km<sup>2</sup> (tương đương với khoảng 800 héc ta) (Archives Nationales d'Outre-Mer, n.d.). Đối với Đà Nẵng diện tích yêu cầu cũng lớn hơn rất nhiều 1.360 héc ta (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1895). Phần diện tích đất của nhượng địa Đà Nẵng được chính quyền thuộc địa Pháp yêu cầu như sau: Thứ nhất, phần diện tích ở cửa sông Hàn và các bờ của nó. Vì đây là con đường duy nhất cho các giao dịch thương mại của cảng và từ cửa sông sẽ rất dễ dàng để giám sát các hoạt động ở hai bờ (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885d; Sunny, 2018). Thứ hai, bán đảo Sơn Trà, việc tích hợp bán đảo này vào khu vực nhượng địa chủ yếu vì lý do an ninh chứ không phải là nằm trong mục tiêu phát triển đô thị Đà Nẵng. Theo đó, phải giữ bán đảo này để duy trì các địa điểm phòng thủ khác nhau và trong đó, cần phải thiết lập được một căn cứ cho quân đội lưu trú thường trực. Thứ ba, một khu đất rộng vươn về phía Nam và phía Tây của nhượng địa để cho chính quyền thuộc địa Pháp có thể tự do xây dựng các cơ quan chức năng mà không bị cản trở. Đồng thời, địa điểm này sẽ là trung tâm quy tụ các thương nhân, các công dân châu Âu đến định cư trong tương lai. Thứ tư, Ngũ Hành Sơn nằm về phía đông nam của Đà Nẵng. Khu vực này chứa đựng nhiều vật liệu xây dựng quý giá nên cần được đưa vào để hỗ trợ cho việc xây dựng các công trình trong nội đô. Thứ năm là một số ngôi làng của người bản xứ nằm trong khu vực nhượng địa (hỗ trợ cho việc đồng hóa) (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885b).

Mặc dù phải gửi văn bản báo cáo đến Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, song Tổng trú Lemaire lại tỏ ra không hài lòng với cách thức quy hoạch nhượng địa của Ủy ban Navelle. Theo Lemaire, vai trò của Pháp nên được thể hiện một cách toàn diện trên toàn bộ khu vực Trung Kỳ chứ không nên tập trung vào một số vị trí nhất định (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1885b). Đối với nhượng địa Đà Nẵng, việc đưa thêm bán đảo Sơn Trà vào là không thực sự cần thiết mà thay vào đó là nên mở rộng giới hạn của thành phố về phía Nam và cả phía Tây. Trái ngược với ý kiến này, đại diện của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đà Nẵng lại có tham vọng tương tự như Ủy ban Navelle. Theo ông, bán đảo Sơn Trà sẽ là nơi trú ẩn và neo đậu lý tưởng cho các tàu thuyền. Phần phía tây nam của bán đảo thích hợp cho việc xây dựng cầu cảng để cho các tàu thuyền có thể cập bến và bốc dỡ hàng hóa. Phần phía tây của cảng cho đến đèo Hải Vân sẽ là cửa ngõ để đảm bảo các thông tin được trao đổi thuận lợi với kinh đô Huế. Phần lãnh thổ chạy dọc theo bờ biển từ Mỹ Khê đến Hội An sẽ thích hợp cho việc xây dựng một tuyến đường sắt để vận chuyển hàng hóa từ đô thị đông đúc này ra cảng Đà Nẵng (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1888).

Vào cuối tháng 9/1888, ngay khi chính thức trở thành Toàn quyền Đông Dương, Antoine Guillaume Richaud đã đến Huế. Chuyến đi này của ông mang về những kết quả to lớn. Giữa Richaud và vua Đồng Khánh đã cùng nhau thông qua hai bản sắc lệnh (1 về quyền bảo hộ và 1 về nhượng địa ở khu vực Trung Kỳ và Bắc Kỳ) quan trọng vào ngày 1/10/1888. Đến ngày 3/10/1888, sắc lệnh về việc quy hoạch nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng chính thức được ký kết với 3 điều khoản. Theo đó, điều 1: Chính phủ An Nam chuyển giao một số vùng đất thuộc Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng kèm theo quyền sở hữu tuyệt đối cho chính quyền Pháp để thành lập nhượng địa. Chính phủ An Nam từ bỏ mọi quyền hạn của mình đối với vùng đất này. Điều 2: Các quyền mà người Pháp đã có trước đây đối với những vùng đất này sẽ được duy trì (ý là căn cứ vào các điều khoản của bản hiệp ước Patenôtre). Chính phủ An Nam sẽ căn cứ dựa theo các điều khoản của đạo dụ do Trẫm ban hành để thi hành quyền sở hữu của mình đối với những vùng đất thuộc quyền bảo hộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Điều 3: Phạm vi giới hạn của những vùng đất này sẽ được xác định dựa theo các sơ đồ của bản phụ lục. Đại diện của Toàn quyền Đông Dương và quan Kinh lược sẽ có trách nhiệm cùng nhau cắm mốc để xác định ranh giới của các khu nhượng địa

(Bibliothèque nationale de France, n.d., 1-19; 'Ordonnance Royale Relative à l'érection En Concessions Françaises Des Terrains de Hanoi, Haiphong et Tourane', 1888, 604-605).

Bản sắc lệnh ngày 1/10/1888 có đề cập đến "phạm vi giới hạn các vùng nhượng địa sẽ được xác định bằng các sơ đồ của bản phụ lục". Vậy trên thực tế có sự tồn tại các sơ đồ của bản phụ lục hay không? Trong bức thư gửi Đốc lý Hà Nội Charles Landes vào ngày 30/12/1899, Thống sứ Bắc Kỳ là Brière đã khẳng định rằng không có một sơ đồ nào đính kèm theo sắc lệnh nói trên. Điều này chắc hẳn cần có thêm những nguồn sử liệu để kiểm chứng và làm rõ. Tuy nhiên, qua đây cũng cho thấy rằng, chính quyền thuộc địa Pháp đang cố gắng tạo ra sự mập mờ trong các văn bản pháp lý để chiếm dụng các phần diện tích đất tại các khu vực nhượng địa. Tham vọng từ bản báo cáo của Ủy ban Navelle và sau đó là bản quy hoạch được chính quyền thuộc địa Pháp đưa ra vào năm 1889 sẽ thấy rõ điều này.

Bản quy hoạch nhượng địa Đà Nẵng được chính quyền thuộc địa Pháp đưa ra ở thời điểm năm 1889 không bao gồm Ngũ Hành Sơn nhưng thay vào đó, nó mở rộng trên tất cả các vùng phía Tây và phía Nam của cửa biển Đà Nẵng và tất nhiên là nó bao gồm luôn cả bán đảo Sơn Trà (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1888). Triều đình nhà Nguyễn không chấp nhận bản quy hoạch này. Do đó, vào tháng 7/1889, đại diện triều đình đã chính thức lên tiếng, yêu cầu phía Pháp phải điều chỉnh lại bản quy hoạch. Theo triều đình, cùng với 8 làng trong bản kế hoạch cũ, bản kế hoạch mới bổ sung thêm 18 làng và nâng tổng số lên thành 28 làng bao gồm luôn cả bán đảo Sơn Trà. Ngoài ra, phạm vi của bản đồ quy hoạch mới cũng lớn hơn bản đồ cũ đến 10 lần, thậm chí là 12 lần vì vậy mà diện tích nhượng địa đã trở nên quá lớn. Triều đình yêu cầu phía Pháp phân chia lại phần diện tích đã quy hoạch ở Đà Nẵng thành hai phần bằng nhau. Một phần sẽ trở thành nhượng địa chính thức của Pháp và phần còn lại sẽ thuộc về quyền quản lý của triều Đình bao gồm luôn một nửa bán đảo Sơn Trà. "*Bằng cách này, chế độ bảo hộ cao quý sẽ có đủ lãnh thổ để phát triển thương mại, và vương quốc khiêm tốn của chúng tôi không bị mất quá nhiều đất. Và lợi ích của cả hai bên sẽ luôn được đảm bảo*" (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1889).

Lý giải cho yêu cầu này, đại diện triều đình giải thích: Cảng Đà Nẵng là một trong những cửa ngõ ra vào trên biển quan trọng. Do đó, phía Pháp cần trả lại cho

triều đình ít nhất là phần diện tích của làng Hải Châu Chánh. Khu đất này nằm ngay sau chùa Quan Công và có diện tích rộng khoảng 10 mẫu. Chính phủ Nam Triều sẽ xây dựng ở đó các tòa nhà cần thiết để làm nơi lưu trú cho các quan lại; và là nơi để tiếp nhận thư tín, cũng như xuất khẩu các loại hàng hóa và các hoạt động đối ngoại khác liên quan đến triều đình. Để thuận tiện cho việc triển khai các công việc, triều đình sẽ xây dựng ở phía trước khu đất này một con đường rộng khoảng 50 thước và một con đường ở phía sau rộng 60 thước. Triều đình cũng yêu cầu phía Pháp miễn thuế hải quan cho các loại hàng hóa của triều đình hay việc xuất nhập cảnh của các quan lại (Archives Nationales d'Outre-Mer, 1889).

Dù nhận thức được tầm quan trọng của vùng đất Đà Nẵng, song với việc chấp thuận ký kết sắc lệnh ngày 1/10/1888 bằng những điều khoản không rõ ràng, triều đình nhà Nguyễn đã chính thức chấp nhận nhượng toàn quyền sở hữu cho Chính phủ Pháp và đồng thời, từ bỏ tất cả các quyền hành của mình đối với các phần lãnh thổ ở Hà Nội, Hải Phòng và cả Đà Nẵng. Toàn tuyền Richaud đã rất khôn khéo khi lợi dụng sự mập mờ của các điều khoản trong sắc lệnh để coi như các phần nhượng địa đã chiếm dụng được. Và không lâu sau khi sắc lệnh được ký kết, chính quyền thuộc địa Pháp đã có những động thái thể hiện quyền lực của mình bằng việc ban hành quyết định nâng cấp Đà Nẵng trở thành thành phố (24/5/1899). Đến ngày 31/3/1892, hội đồng chính quyền thành phố chính thức thành lập theo Nghị định số 182 (Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam, 1906, 151-153). Bản nghị định này gồm 11 điều khoản, đề cập đến cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng. Cụ thể như sau: Hội đồng thành phố gồm 9 người do Công sứ Pháp ở Đà Nẵng làm Chủ tịch, 5 ủy viên người Pháp (do Khâm sứ Trung Kỳ chỉ định và họ không thuộc quan chức của chính quyền bảo hộ), 2 thân hào người Việt (không nằm trong định biên quan chế triều Nguyễn) và 1 đại diện đến từ các hội đoàn người Hoa. Hội đồng thành phố có nhiệm kỳ 3 năm và không được hưởng lương. Nhiệm vụ của hội đồng thành phố là quản lý dịch vụ hành chính công; quản lý ngân sách thành phố bao gồm các khoản thu chi thông thường hoặc phát sinh; quản lý thuế khóa, đồn điền, các điều kiện thuê khoán, chuyển nhượng đất đai, thành lập các cơ sở kinh doanh; xây dựng, sửa chữa các công trình; quy hoạch, phát triển đô thị... Dựa theo luật định, hội đồng thành phố có quyền đề đạt các ý kiến của mình lên chính quyền cấp trên các vấn đề liên quan

đến quá trình phát triển nhượng địa (kinh tế, chính trị, an ninh, môi trường, giao thông...)<sup>2</sup>.

### 3. Kết luận

Như vậy, với sắc lệnh ngày 1/10/1888, Đà Nẵng chính thức trở thành nhượng địa của Pháp. Toàn quyền Richaud chính là người đã giải tỏa và hiện thực hóa các tham vọng của chính phủ Pháp ở Việt Nam kể từ sau sự kiện 1787. Qua đó để thấy được rằng, vấn đề tự do truyền đạo, giảng đạo như một số chính khách Pháp đương thời nêu ra chỉ là một trong những nguyên do để thực dân Pháp kiên toàn âm mưu xâm lược Việt Nam. Các động cơ về thương mại cùng các lợi ích kinh tế cần đạt đến mới chính là chủ đích đích thực của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Do vậy, với những lợi thế về vị trí địa chính trị, quân sự lẫn thương mại, từ rất sớm Đà Nẵng đã nằm trong chiến lược quy hoạch để trở thành một đơn vị hành chính đặc biệt của thực dân Pháp ở Trung Kỳ.

### Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng.

### References

- Archives Nationales d'Outre-Mer. (n.d.). *Lettre de Lemaire au Ministre de la Marine et des Colonie* (dossier 107; Séries Géographiques, Série Affaires Politiques). Fonds ministériels.
- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1885a). *Instructions pour la commission de délimitation des ports ouverts de l'Annam, 14 février 1885* (dossier 107; Séries Géographiques, Série Affaires Politiques). Fonds ministériels.
- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1885b). *Lettre de Monsieur Lemaire, Résident Général à Hué, à Monsieur le Ministre de la Marine et des Colonies, le 10 avril 1885* (dossier 107; Série Affaires Politiques). Fonds Anciens et Nouveaux du Gouvernement Général de l'Indochine.

- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1885c). *Rapport de la commission chargée de préparer la délimitation des concessions françaises dans les ports ouverts de l'Annam, Tourane et Quinhon (Xuan Day), Mars 1885* (dossier 5989; Séries Géographiques, Série Affaires Politiques). Fonds ministériels.
- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1885d). *Rapport de la commission chargée de préparer la délimitation des ports ouverts de l'Annam et des concessions françaises dans chacun de ses ports, à Monsieur le Ministre plénipotentiaire, Résident Général à Hué, 22 mars 1885* (dossier 107; Séries Géographiques, Série Affaires Politiques). Fonds ministériels.
- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1888). *Lettre du Résident de France à Tourane au Résident Supérieur de l'Annam, Hué, 1er août 1888* (dossier 5990; Série Affaires Politiques). Fonds Anciens et Nouveaux du Gouvernement Général de l'Indochine.
- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1889). *Lettre du Conseil de Régence à M. le Résident Supérieur au sujet des ententes relatives à la concession de Đà Nẵng, Hué, 19 juillet 1889* (dossier 5990; Série Affaires Politiques). Fonds Anciens et Nouveaux du Gouvernement Général de l'Indochine.
- Archives Nationales d'Outre-Mer. (1895). *Note sur la concession française de Tourane, 23 octobre 1895* (dossier 107; Séries Géographiques, Série Affaires Politiques). Fonds ministériels.
- Benoist, de L. G. (1869). *Souvenir de campagne: Les ports de l'Extrême-Orient. Début de l'occupation française en Cochinchine*. Le Chevalier.
- Bibliothèque nationale de France. (n.d.). *Voyage à Hué de M. Richaud, gouverneur général de l'Indo-Chine*. Département Philosophie, Histoire, Sciences de l'homme; 8-LK10-360.
- Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam. (1906). *L'Annam en 1906: Géographie - Histoire - Administration - Commerce - Agriculture - Industrie*. Imprimerie Samat & compagnie.
- Colonel, H. de P. (1896). *Indo-Chine: Souvenirs de voyage et de campagne, 1858-1860*. A. Mame et fils.
- Cultru, P. (1910). *Histoire de la Cochinchine française des origines à 1883*. A. Challamel.

<sup>2</sup>Xem thêm: (République française, 1892, 235-236).

- Fourniau, C. (2002). *Vietnam: Domination coloniale et résistance nationale, 1858-1914*. Indes savantes.
- Hailly. (1866). La France en Cochinchine. *Revue Maritime et Coloniale*, 18, 744-778.
- La Cochinchine Française. (1862). *Revue Maritime et Coloniale*, 6, 389-420.
- Le Monde Illustré*. (1860). 155, 213.
- Nguyen, D. O. (1995). *Quân dân Nam Kỳ kháng Pháp trên mặt trận quân sự và văn chương (1859-1885)*. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyen, T. D. (2017). Chính sách độc quyền ngoại thương của thực dân Pháp ở Việt Nam thời kì thuộc địa. *Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức*, 36, 16-30.
- Nguyen, X. T. (2018). *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*. Hồng Đức.
- Ordonnance Royale relative à l'érection en concessions françaises des terrains de Hanoi, Haiphong et Tourane. (1888). *Moniteur Du Protectorat de l'Annam et Du Tonkin*, 10, 604-605.
- Papin, P. (2013). *Histoire des territoires de Hà-Nội: Quartiers, villages et sociétés urbaines du XIXe au début du XXe siècle*. Les Indes savantes.
- Raffi, G. (1994). *Haiphong, origines, conditions et modalités de développement jusqu'en 1921* [Thesis]. Université d'Aix-Marseille.
- République française. (1892). Arrêté instituant une municipalité à Tourane". *Bulletin Officiel de l'Indochine Française*, 4, 235-236.
- Schreiner, A. (1906). *Abrégé de l'histoire d'Annam*. L'auteur.
- Service Historique de la Défense. (1858a). *Lettre de Rigault de Genouilly au ministre de la Marine, Quartier général de Canton, 11 février 1858* (dossier 760). Service Général (BB4).
- Service Historique de la Défense. (1858b). *Lettre de Rigault de Genouilly au ministre de la Marine, Quartier général de Tourane, 7 novembre 1858* (dossier 760). Service Général (BB4).
- Service Historique de la Défense. (1858c). *Lettre de Rigault de Genouilly au ministre de la Marine, Quartier général de Tourane, 7 octobre 1858* (dossier 760). Service Général (BB4).
- Service Historique de la Défense. (1858d). *Lettre du ministre de la Marine à Rigault de Genouilly, Paris, 22 avril 1858* (dossier 761). Service Général (BB4).
- Sunny, L. G. (2018). *Une utopie coloniale en mer de Chine: L'avenir portuaire de la concession française de Tourane 1858 - 1931* [Mémoire de Master]. Université Bordeaux Montaigne.
- Truong, B. C. (2011). *Hoạt động ngoại giao của nước Pháp nhằm củng cố cơ sở tại Nam Kỳ (1862-1874)*. Thế giới.

## FROM THE INVASION TO THE ESTABLISHMENT OF THE DA NANG CONCESSION BY THE FRENCH COLONIALISTS (1858 - 1888)

Dương Thanh Mừng

Academy of Politics Region III, Vietnam

Author corresponding: Dương Thanh Mừng - Email: [thanhmung88@gmail.com](mailto:thanhmung88@gmail.com)

Article History: Received on 18<sup>th</sup> September 2021, Revised on 09<sup>th</sup> December 2021, Published on 21<sup>st</sup> December, 2021

**Abstract:** The research was conducted based on original documents, such as letters, archives, and monographs from the French-Spanish alliance invaded Vietnam until the signing of the agreement dated October 1, 1888. The results show that, from 1858, with the plot to annex and establish a colony in Vietnam, the French colonialists allied with Spain to attack Da Nang. After defending the Nguyen dynasty, the French colonialists quickly planned and set up concessions in the Tonkin and Central of Vietnam. Da Nang from a provincial administrative unit under the Nguyen dynasty became a concession area with its own legal, administrative and regulatory system of the French colonial government. Based on the research results, the article will contribute to clarifying the difficulties and challenges of the French colonialists in the early invasion of Vietnam. In addition the article will point out the French colonialists' attempts to force the Nguyen dynasty to sign treaties to turn Da Nang into a concessions area.

**Keywords:** concessions; aggression; Da Nang; French colonial empire; Vietnam.